

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **261/2024/DS-PT**

Ngày: 18 - 11 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

*Các Thẩm phán:* Bà Tăng Thị Thúy Nga.

Ông Nguyễn Văn Toàn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Kim Mộc Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:**  
Ông Sơn Cuol - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2024/TLPT-DS ngày 17/10/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 134/2024/DS-ST, ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 221/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số B ấp C, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc V:* Bà Trần Lệ Q, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số A, đường N, Khóm F, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (văn bản ủy quyền ngày 06/3/2024) (có mặt)

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1954. Địa chỉ: Số C đường L, Khóm D, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

**- Người kháng cáo:** Bị đơn Nguyễn Văn K.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*Theo nguyên đơn Nguyễn Quốc V trình bày:* Vào năm 2011 ông V có bán thức ăn và thuốc nuôi trồng thủy sản cho ông Nguyễn Văn K, tính từ ngày 25/7/2011 dương lịch (nhằm ngày 25/6/2011 âm) đến ngày 26/11/2011 dương lịch (nhằm ngày 02/11/2011 âm) ông K có ký nhận còn thiếu ông V tổng cộng số tiền 111.805.000 đồng. Hai bên thỏa thuận miệng trả dần nhưng sau khi làm biên nhận, ông K mới trả cho ông V được số tiền 52.000.000 đồng. Từ ngày 05/9/2016 đến nay ông K cứ hện nợ mà không trả. Nay ông Nguyễn Quốc V yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn K phải trả cho ông Nguyễn Quốc V số tiền vốn và lãi tính từ ngày 06/9/2016 đến ngày 01/8/2024 là 106.876.518 đồng (trong đó tiền vốn là 59.805.000 đồng và tiền lãi là 47.071.518 đồng).

*Theo bị đơn Nguyễn Văn K trình bày:* ông K thừa nhận vào năm 2011 giữa ông K với ông Nguyễn Quốc V có thỏa thuận mua bán thức ăn và thuốc nuôi trồng thủy sản. Vào ngày 02/11/2011 Âm hai bên đối chiếu sổ sách thì ông K có ký xác nhận còn nợ ông Nguyễn Quốc V số tiền 111.805.000 đồng, hai bên thỏa thuận miệng trả dần, không có thỏa thuận trả lãi. Sau khi xác nhận nợ thì từ năm 2011 đến ngày 05/9/2016 ông K đã trả cho ông V tổng cộng 20 lần với tổng số tiền 74.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 37.805.000 đồng. Việc trả tiền có chữ ký xác nhận của ông V 16 lần với số tiền 52.000.000 đồng và con ông V ký xác nhận 04 lần với số tiền 22.000.000 đồng (ông K không biết con của ông V tên gì và địa chỉ ở đâu) và việc trả tiền tại quán cà phê. Ông K yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu của ông V. Theo ông K thời hiệu khởi kiện vụ án không còn nên đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu áp dụng thời hiệu của ông V thì ông K đồng ý trả cho ông V số tiền còn nợ là 37.805.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 134/2024/DS-ST, ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định như sau:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 428, Điều 438 Bộ Luật dân sự năm 2005; Điều 157, Điều 440 Bộ Luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc V. Buộc ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Quốc V số tiền vốn và lãi nợ mua hàng là 106.876.518 đồng (trong đó tiền vốn là 59.805.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 06/9/2016 đến ngày 01/8/2024 là 47.071.518 đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm Thi hành án, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, bị đơn ông Nguyễn Văn K nộp đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 134/2024/DS-ST ngày 13/8/2024 yêu cầu cấp

phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 37.805.000 đồng, không đồng ý trả lãi.

Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 134/2024/DS-ST ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân thành phố Sóc Trăng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ông Nguyễn Quốc V khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn K trả số tiền mua bán thức ăn, thuốc nuôi trồng thủy sản còn thiếu là 59.805.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi từ ngày 06/9/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là 47.071.518 đồng. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn mà chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn V số tiền 37.805.000 đồng còn thiếu và không đồng ý trả lãi. Cấp sơ thẩm đã giải quyết buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền nợ thức ăn và thuốc nuôi tôm còn thiếu, tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ tổng cộng là 106.876.518 đồng. Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn K đã kháng cáo.

[2.2] Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn thừa nhận bị đơn có mua thức ăn và thuốc nuôi tôm của nguyên đơn tính đến ngày 26/11/2011 hai bên tổng kết nợ bị đơn còn thiếu nguyên đơn tổng cộng là 111.805.000 đồng và hai bên có ký nhận nợ và thỏa thuận trả dần số tiền còn thiếu. Sau khi thỏa thuận thì ông V cho rằng ông K trả được số tiền 52.000.000 đồng, ông K còn thiếu số tiền 59.805.000 đồng. Ông K thì cho rằng đã trả được số tiền 74.000.000 đồng, chỉ còn thiếu ông V 37.805.000 đồng. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án ông V chỉ thừa nhận có nhận tiền của ông K số tiền 52.000.000 đồng, số tiền 22.000.000 đồng còn lại ông không thừa nhận. Ông K cho rằng số tiền 22.000.000 đồng là do con ông V nhận, nhưng không biết họ tên gì và địa chỉ ở đâu, trên sổ ký nhận tiền do ông K cung cấp cũng không ghi họ tên người nhận tiền là ai và ngoài chứng cứ này thì ông K không cung cấp

được chứng cứ nào khác chứng minh ông V có nhận của ông K số tiền 22.000.000 đồng, nên cấp sơ thẩm xác định ông K chỉ trả cho ông V số tiền 52.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.3] Xét kháng cáo của bị đơn về việc yêu cầu xem xét sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn chỉ đồng ý trả số tiền 37.805.000 đồng và không đồng ý trả lãi. Xét thấy, theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự có quy định “*Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này*”. Đồng thời, tại Điều 440 của Bộ luật dân sự cũng có quy định “*Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này*”. Giữa nguyên đơn và bị đơn có hợp đồng mua bán thức ăn với nhau sau khi tổng hợp nợ ngày 26/11/2011 và thỏa thuận miệng là trả dần số tiền còn thiếu, bị đơn đã trả dần số tiền còn thiếu đến ngày 05/9/2016 trả được số tiền tổng cộng là 52.000.000 đồng thì ngưng đến nay không tiếp tục trả. Vì vậy, cấp sơ thẩm giải quyết buộc các bị đơn phải trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn từ ngày 06/9/2016 là có căn cứ đúng quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn. Bị đơn kháng cáo không đồng ý trả lãi nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[2.4] Xét kháng cáo của bị đơn việc việc cho rằng đã trả cho nguyên đơn số tiền 22.000.000 đồng do con của nguyên đơn nhận như đã phân tích ở phần [2.2] và tại phiên tòa hôm nay bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để xem xét.

[3] Từ những phân tích trên thấy rằng kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa về việc chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, do bị đơn

là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 29 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 2 Điều 148, Điều 161 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:** Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 134/2024/DS-ST ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 428, Điều 438 Bộ Luật dân sự năm 2005; Điều 157, Điều 440 Bộ Luật dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc V.

Buộc ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Quốc V số tiền vốn và lãi nợ mua hàng là 106.876.518 đồng (trong đó tiền vốn là 59.805.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 06/9/2016 đến ngày 01/8/2024 là 47.071.518 đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Nguyễn Quốc V có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Nguyễn Văn K còn phải trả lãi cho ông Nguyễn Quốc V theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Quốc V không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.893.425 đồng theo biên lai thu số 0001552 ngày 25/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng. Ông Nguyễn Văn K là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn K được miễn án phí phúc thẩm.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi

hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thành phố Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục THADS thành phố Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Tòa dân sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Tôn Thị Thanh Thúy**